

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **34/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-7-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thanh Loan**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Thắm**

2. Ông **Nguyễn Thanh Màu**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Phước Đạt**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà **Đồ Ngọc Tuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2017 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: đường NK2, khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD.

2. *Bị đơn:* Ông **Khuru Hoàng A**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, Quốc lộ C, khóm Y, phường Z, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Khuru Hoàng A tổ chức đám cưới vào năm 2003, hôn nhân của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường G, thị xã ST, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/8/2003. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà thường xuyên bất hòa xảy ra gây gổ, không còn hòa hợp, ông A thường hay đánh bà Th, có lần ông A đòi dẫn người phụ nữ khác về nhà, bà Th và gia đình ông A ngăn cản nên ông A cầm dao đe dọa bà Th và cả gia đình ông A, sự việc đã được công A

phường 6 mời ông A lên phường làm việc có giữ lại 01 đêm. Thấy vậy nên bà Th đã bỏ đi làm ăn xa không dám ở chung nhà với ông A nữa. Từ đó dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Th và ông Khuru Hoàng A có hai con chung là cháu Khuru Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Khuru Thị Ngọc L, sinh ngày 25/10/2007. Hiện nay, cháu Á và cháu L đang sống chung với ông A.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà Phạm Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Khuru Hoàng A.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Th đồng ý giao cháu Khuru Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Khuru Thị Ngọc L, sinh ngày 25/10/2007 cho ông Khuru Hoàng A được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Á và cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Th không cấp dưỡng cho cháu Khuru Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Khuru Thị Ngọc L, sinh ngày 25/10/2007.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Khuru Hoàng A: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông A biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông A không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Đồng thời bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Khuru Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào [điểm b khoản 2 Điều 227](#), [khoản 3 Điều 228](#) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Khuru Hoàng A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do bất đồng quan điểm sống, bà Th nghi ngờ ông A có người phụ nữ khác bên ngoài, ông A thường xuyên đánh bà Th. Tại biên

bản lấy lời khai ngày 31/5/2017 ông Khuru Văn Khà cha ruột của ông A trình bày ông A có biết được việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông A và ông A cũng đồng ý. Ngoài ra ông Kh còn cho rằng bà Th đã đi làm ăn xa từ năm 2009 nên bà Th và ông A đã sống ly thân từ khoảng năm 2009 cho đến nay, thấy rằng lời khai của ông Kh hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th cho bà Th được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Th và ông Khuru Hoàng A có 02 người con chung là cháu Khuru Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Khuru Thị Ngọc L, sinh ngày 25/10/2007. Hiện nay 02 cháu Ngọc Á và Ngọc L đang sống chung với ông A. Sau khi ly hôn, bà Th đồng ý giao hai con chung là cháu Khuru Thị Ngọc Á và Khuru Thị Ngọc L cho ông A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Ngọc Á và Ngọc L đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 13/02/2017 thì cháu L và cháu Á cũng thừa nhận hiện nay đang sống chung với cha là ông A, trường hợp cha mẹ hai cháu ly hôn thì cháu Á và cháu L có nguyện vọng ở với cha là ông A. Hội đồng xét xử xét thấy, từ trước đến nay cháu L và cháu Á sống chung với ông A, cuộc sống của hai cháu đang ổn định và hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với cha. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cháu L và cháu Á cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu L và cháu Á đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không cấp dưỡng cho cháu L và cháu Á. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 13/02/2017 thì cháu L và cháu Á không yêu cầu mẹ hai cháu là bà Th cấp dưỡng cho hai cháu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Phạm Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Khuru Thị Ngọc Á và cháu Khuru Thị Ngọc L mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3]** Về án phí:

Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử

đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết **326/2016/UBTVQH14**, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Khuru Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cho ông Khuru Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khuru Thị Ngọc Á và cháu Khuru Thị Ngọc L cho đến khi cháu L và cháu Á đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Th không cấp dưỡng cho Khuru Thị Ngọc Á và cháu Khuru Thị Ngọc L.

Bà Phạm Thị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom **cháu** Khuru Thị Ngọc Á và cháu Khuru Thị Ngọc L mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0004864 ngày 03/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Th đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường G, TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Loan**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Màu Nguyễn Thị Thắm**

**Phan Thanh Loan**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường 2, TPST;
- Lưu HS.

**Phan Thanh Loan**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Ngày 13/01/2017 tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền**

1. Ông Trần Thành Tựu
2. Bà Ông Thanh Bạch

Hội đồng xét xử tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số vụ án thụ lý số 287/2016/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2016 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2016 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị Ngọc Phượng**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 78 đường Sóc Vồ, ấp Phú Ninh A, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

*2. Bị đơn:* Ông **Trà Hồng Phúc**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 561/31 đường Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**I/. Kết quả nghị án:**

**Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử quyết định:**

Áp dụng: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí toà án;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc Phượng được ly hôn với ông Trà Hồng Phúc.

2. Về con chung: Giao cháu Trà Lưu Vũ Lam (nam, sinh ngày 02/9/2003) cho bà Lưu Thị Ngọc Phượng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lam đủ 18 tuổi và ông Trà Hồng Phúc không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trà Hồng Phúc có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Trà Lưu Vũ Lam mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.



3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Ngọc Phượng phải chịu là 200.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0003263 ngày 17/10/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà Lưu Thị Ngọc Phượng đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Lưu Thị Ngọc Phượng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trà Hồng Phúc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **II/. Kết quả biểu quyết:**

- \* Hội thẩm nhân dân thứ 1: Thống nhất với các nội dung trên.
- \* Hội thẩm nhân dân thứ 2: Thống nhất với các nội dung trên.
- \* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với các nội dung trên.
- \* Tổng số ý kiến biểu quyết thống nhất: 03/03; không có ý kiến khác.

Biên bản kết thúc cùng ngày có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bích Tuyền

